

TRI THỨC BẢN ĐỊA: CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU

NGÔ THỊ PHƯƠNG LAN

TÓM TẮT

Bài viết hệ thống và phân tích các hướng tiếp cận khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người và môi trường qua chủ đề tri thức bản địa. Dựa trên kết quả khảo sát về tri thức bản địa của các cư dân ở tỉnh Bình Phước, tác giả nhận diện những yếu tố tác động đến sự mai một của tri thức bản địa trong bối cảnh hiện nay, trên quan điểm để nghiên cứu tri thức bản địa không thể chỉ phân tích loại tri thức nào là ưu việt (bản địa hay tri thức khoa học) mà điều cần thiết là cần phải xem xét điều kiện tồn tại của các loại tri thức đó. Đây chính là yếu tố quyết định cho tính thích hợp hay không thích hợp của tri thức bản địa. Hay nói cách khác, tri thức bản địa không phải là một khối kiến thức bất biến mà luôn trải qua các quá trình biến đổi.

Kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, với sự nở rộ của các chương trình phát triển trên toàn cầu thì ở “nơi đâu khoa học xã hội, sức mạnh khoa học kỹ thuật, và các mô hình thiết chế” bị thất bại thì kiến thức và kỹ thuật địa phương được xem là

chiến lược tốt nhất để chống lại nghèo đói và kém phát triển, vì loại kiến thức này giúp cho người sử dụng tồn tại hòa hợp với tự nhiên và cho phép họ sử dụng tự nhiên một cách bền vững. Thuật ngữ này được cho là mới trong hệ các thuật ngữ liên quan đến phát triển như “tăng trưởng kinh tế”, “tăng trưởng với sự bình đẳng”, “kỹ thuật phù hợp”, “phát triển có sự tham gia”, “phát triển bền vững” (Agrawal, 1995, tr. 413, tr. 417). Theo nhận thức luận này, các chương trình phát triển đã tập trung chú trọng đến vấn đề tri thức bản địa. Ở Việt Nam, từ những năm 1990 và đặc biệt trong thập kỷ vừa qua đã nhiều công trình nghiên cứu về tri thức bản địa với kỳ vọng đây sẽ là nguồn kiến thức hữu ích cho các chương trình phát triển ở các địa phương (xem thêm Vương Xuân Tình, 1998, Phạm Quang Hoan, 2003, Nguyễn Ngọc Thanh, 2012, Phạm Quốc Hùng và Hoàng Ngọc Ý, 2009). Như vậy, thuật ngữ tri thức bản địa thường được xem như là một cách nhìn khác về vị trí cũng như những giới hạn của con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên.

Bài viết chia sẻ quan điểm với nhiều nhà khoa học khác khi cho rằng sự phân chia kiến thức bản địa và khoa học là một quan điểm mang tính cơ học. Trên thực tế, trong nhiều lĩnh vực hai loại kiến thức này chuyển hóa cho nhau hướng đến một chiến lược thích nghi phù hợp của con người. Theo đó, hai loại tri thức này không

Ngô Thị Phương Lan. Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết dựa trên tư liệu điền dã của Đề tài cấp trọng điểm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 do GS.TS. Ngô Văn Lệ làm chủ nhiệm: “Tri thức bản địa của cư dân tỉnh Bình Phước”

nằm trong thế đối lập, triệt tiêu nhau mà trong những điều kiện cụ thể chúng bổ sung và song song tồn tại với nhau. Ngoài ra, khi phân tích về sự thích hợp của các loại tri thức này đối với đời sống các cư dân, quan điểm bài viết cho là bên cạnh việc xem xét tính hữu dụng của các loại tri thức thì trong bối cảnh hiện nay chúng ta cần chú ý đến các điều kiện tồn tại của chúng. Các điều kiện này quy định tính động của các loại tri thức. Thực tiễn tri thức bản địa của các dân tộc tỉnh Bình Phước trong bối cảnh hiện nay cho thấy sự thay đổi mạnh mẽ điều kiện sống của các cư dân đã dẫn đến sự mai một các tri thức bản địa.

1. TRI THỨC BẢN ĐỊA: THUẬT NGỮ VÀ NỘI DUNG

Về thuật ngữ, hiện nay cũng để chỉ kiến thức của cư dân địa phương như là kết quả của quá trình thích nghi với một môi trường sinh sống cụ thể, bên cạnh thuật ngữ tri thức bản địa còn có các cách gọi khác như tri thức địa phương (*local knowledge*) (Nguyễn Ngọc Thanh, 2012, Phạm Quang Hoan, 2003, Trần Hồng Hạnh, 2005), kiến thức truyền thống (*traditional knowledge*) (ISCU, 2002) hay kiến thức kỹ thuật bản địa (*indigenous technique knowledge*) (Viện Kinh tế Sinh thái, 2000, Howes và Chambers, 1980). Về nội dung, các học giả tập trung sâu vào các đặc điểm hay thành tố cấu thành tri thức bản địa. Theo Ellen (2004, tr. 412-413), “tri thức bản địa có nguồn gốc từ các địa phương và các tập hợp trải nghiệm nhất định; chúng được sinh ra bởi con người sống tại các địa phương đó... là kết quả của mối quan hệ thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày”. Ở Việt Nam, từ cách nhìn

dân tộc học thì tri thức địa phương được xác định rõ cả đặc điểm xã hội và tự nhiên. Theo đó tri thức địa phương (hay còn gọi là tri thức dân gian, tri thức tộc người, tri thức bản địa) là “tổng bộ những hiểu biết, những kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ở những địa phương, những khu vực cụ thể được tích lũy, thực hành, chọn lọc và trao quyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được bổ sung và phát triển trong đời sống... Tri thức địa phương là tri thức của các cộng đồng tộc người cùng cộng cư trên một vùng sinh thái hay một vùng văn hóa nhất định” (Nguyễn Ngọc Thanh, 2012, tr. 14-15)

Tuy tiếp cận theo những hướng khác nhau nhưng các định nghĩa hay cách hiểu này có cùng điểm chung là nhấn mạnh đến tính “địa phương” hay “bản địa” của các kiến thức liên quan đến cuộc sống của các cư dân trong một môi trường cụ thể. Do tính tương đối của khái niệm bản địa, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay nên nhiều học giả dùng khái niệm “địa phương” thay vì khái niệm bản địa. Tuy nhiên, mặc dù cũng dùng khái niệm “tri thức bản địa” như một “mô hình tạm thời”, Ellen và Harris (2010, tr. 3-4) cho là khái niệm “địa phương” tuy có vẻ trung lập nhưng lại “không phù hợp trong việc nói đến những khác biệt về chất trong đặc tính của tri thức được nói tới và có nguy cơ bị biến dị đi”. Các tác giả ưa thích khái niệm “truyền thống” hơn tuy vẫn sử dụng khái niệm bản địa. Trong bài viết này, do nhấn mạnh đến tính đặc thù nên chúng tôi sử dụng cả hai khái niệm “tri thức bản địa” và “tri thức địa phương” theo cách có thể thay thế cho nhau. Khái niệm bản địa nhấn mạnh đến

tính lâu đời trong khi khái niệm địa phương nhấn mạnh tính cụ thể của môi trường địa lý.

Nhân học/dân tộc học như là một ngành nghiên cứu gắn với các cộng đồng cư dân địa phương nên tri thức bản địa là một chủ đề quan trọng. Qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước chúng tôi thấy tri thức bản địa thường được nhìn dưới góc độ phân loại vốn có liên quan đến các phân loại truyền thống trong nhân học như nguyên thủy-văn minh, truyền thống-hiện đại, phương Tây-không phải phương Tây. Tuy nhiên, sự phân loại này khác với các phân loại truyền thống ở đặc điểm các nhà khoa học có xu hướng cổ súy cho tầm quan trọng của tri thức bản địa so với tri thức khoa học hay cũng có thái độ thận trọng về tính hữu dụng của loại tri thức này. Nói cách khác, cách nhìn về tri thức bản địa không phải ở vị thế của một kiến thức “thấp kém” mà có *vị trí vượt trội hay ngang tầm với tri thức khoa học hiện đại*. Với cách nhìn phân loại này, bên cạnh đặc điểm “địa phương” hay “bản địa,” trong các nghiên cứu về tri thức bản địa, loại kiến thức này thường được đặt trong sự phân biệt, tương phản hay so sánh với tri thức khoa học nhằm nhận diện đặc điểm của loại tri thức này.

Khi tiếp cận nội dung tri thức bản địa như một loại tri thức cũng có sự khác biệt giữa các nhà nhân học. Cách tiếp cận thứ nhất xem tri thức bản địa như một khối kiến thức dựa trên sự phân biệt với kiến thức khoa học xuất phát từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà nghiên cứu thường liệt kê miêu tả các nội dung của tri thức bản địa với hy vọng chúng sẽ góp phần tích cực cho các chương trình phát

triển liên quan đến địa phương. Với cách hiểu về tri thức bản địa như vậy nên nội dung cụ thể của các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này thường bao gồm hệ thống học hỏi (các phương pháp truyền thống học hỏi các kiến thức), các tổ chức địa phương (các thiết chế quản lý liên quan đến môi trường, sử dụng tài nguyên, cấm kỵ, luật tục), phân loại và xác định số lượng, sức khỏe con người (dinh dưỡng, hệ thống phân loại bệnh, sử dụng thảo dược), đất (chăm sóc, độ thích hợp với cây trồng), nước (quản lý, gìn giữ nguồn nước), nông nghiệp (lịch vụ mùa, lựa chọn giống, chăm sóc cây trồng...), nghề thủ công... (Grenier 1998, tr. 2-3).

Hướng tiếp cận thứ hai chú trọng đến tính tổng thể và hệ thống của tri thức bản địa. Hướng tiếp cận này tập trung đến sự tương tác giữa thế giới quan của cư dân và môi trường sinh sống trong việc định hình các tri thức bản địa. Tính đặc thù của thế giới quan này cũng cổ thêm cho tính đặc thù của tính địa phương hay tính bản địa. Palm Elwee (2010, tr. 1) đã nhận định “phần lớn các nghiên cứu về tri thức bản địa/tri thức môi trường truyền thống cho đến hiện nay ở Việt Nam chỉ sử dụng một cách chọn lọc khái niệm về tri thức bản địa như một bản chất [ít thay đổi], tập trung vào việc gọi tên và phân loại [động thực vật] hoặc vào việc quản lý các tài nguyên thiên nhiên qua luật tục, mà không có nỗ lực để hiểu thế giới nhận thức luận rộng lớn hơn mà nơi đó tri thức bản địa được hình thành” Tác giả đưa ra hướng tiếp cận tri thức bản địa như một hệ thống hoặc thế giới quan hoàn chỉnh vốn cần có sự hiểu biết về tôn giáo, tín ngưỡng, và lễ nghi. Đây là lĩnh vực cần sự có mặt của các nhà

nhân học khi dân tộc học vốn xem tính toàn diện là quan điểm nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, hiện nay các nhà nhân học/dân tộc học Việt Nam đã ít nhiều thay đổi hướng tiếp cận khi nghiên cứu tri thức bản địa, hướng đến phân tích tri thức bản địa như một hệ thống tổng thể (xem thêm Nguyễn Ngọc Thanh, 2012).

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm tri thức bản địa là tổng thể những kiến thức mà cư dân ở một vùng môi trường cụ thể sử dụng để thích nghi với môi trường sống của họ. Hay nói cách khác, tri thức bản địa là kết quả thích nghi, sự tương tác hay đáp ứng của các cư dân đối với một vùng môi trường cụ thể và tri thức này bị chi phối mạnh mẽ bởi thể giới quan của họ. Bên cạnh đó chúng tôi cũng cho là khái niệm “bản địa” có tính chất tương đối.

2. SỰ PHÂN BIỆT GIỮA KIẾN THỨC BẢN ĐỊA VÀ KHOA HỌC

Trong các nghiên cứu về tri thức bản địa, loại kiến thức này thường được đặt trong sự phân biệt với tri thức khoa học. Chúng tôi chia sẻ với nhiều nhà nghiên cứu khi cho là cách nhìn theo hướng tách biệt hay đối lập giữa hai loại tri thức này là sự phân chia rất cơ học. Sự phân biệt bản địa và khoa học chỉ để nhận diện tính địa phương và nguồn gốc của các loại tri thức còn trong thực tế sử dụng các loại kiến thức này gần bó hữu cơ và chuyển hóa cho nhau. Sự gần bó giữa hai loại tri thức này qua trường hợp khảo sát của chúng tôi là do *yếu tố kinh tế, tính sẵn có của các tri thức, hay bản chất của hiện tượng* chi phối. Cụ thể trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, mặc dù hiện nay người dân phụ thuộc nhiều vào mạng lưới trạm y tế, nhà

thuốc và bệnh viện, nhưng trong thực tế các cách chữa trị dân gian dựa vào các loại cây thuốc địa phương vẫn còn phổ biến và đôi khi trong một số trường hợp được cho là hữu dụng hơn y học hiện đại. Quan niệm của người dân về các phương thuốc dân gian và y học hiện đại là “mỗi cái có cái hay của nó. Có nhiều người không có tiền mua thuốc thì người ta làm theo cách cũ [dùng các loại cây cỏ] nhưng cũng là những bệnh đơn giản thôi, chứ bệnh nặng phải đi bệnh viện”; “nếu ở nhà có thuốc thì mình chỉ bỏ công ra đi hái, nấu không mất tiền, đi kiếm là được, mặc dù thuốc bệnh viện mau hết hơn là thuốc dân gian nhưng thuốc rừng vẫn đảm bảo sức khỏe tốt hơn, còn đi uống thuốc bệnh viện tốn không biết là bao nhiêu tiền” (Nữ, 45 tuổi, dân Mạ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước); “chú thường sử dụng các phương thuốc dân gian từ các loại cây cỏ mỗi khi đi rẫy. Hằng ngày nếu ở nhà thì mình đã có các loại thuốc tây từ trạm y tế và bệnh viện, có bị gì thì cũng có sẵn, còn khi mình ra rẫy làm điều lấy đâu ra thuốc để chữa trị liền nên buộc mình phải lấy những loại thuốc rừng để chữa trị” (Nam, 55 tuổi, dân tộc Mạ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước); “khi bệnh viện khám không được thì ai chữa được thì mình đi. Như ngày trước khi còn bị sỏi thận, đi khám nhưng không khỏi. Chồng tôi hái thuốc trên rừng, cho uống liên tục trong 2 hay 3 tháng gì đó, rồi thấy nhẹ người. Một ngày nọ đi tiểu ra cục gì đó cứng lắm; rồi đưa lên Bệnh viện Bù Đăng. Bác sĩ bảo sỏi thận nó ra ngoài theo đường nước tiểu. Thế là từ đó khỏi bệnh” (Nữ, 40 tuổi, Xtieng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

Một đặc điểm khác trong mối tương quan giữa tri thức bản địa và khoa học theo

chúng tôi đó là ngoài việc song song tồn tại với tri thức khoa học trong bối cảnh hiện nay thì bản thân tri thức bản địa còn là *kết quả của sự giao lưu với tri thức bản địa* của các dân tộc/địa phương khác. Quá trình giao lưu văn hóa diễn ra do quá trình cộng cư hay kết hôn với các dân tộc ở nơi khác di cư đến. Quá trình sản sinh tri thức của một dân tộc không thể chỉ là kết quả của sự phát triển nội tại mà còn là của sự giao lưu học hỏi kiến thức của các dân tộc. Chẳng hạn như ở cộng đồng người Xtieng và người Mạ ở xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hiện nay, các kiến thức về sử dụng cây thuốc là kết quả của sự học hỏi từ các dân tộc khác cùng cộng cư như người Kinh, người Dao di cư từ các tỉnh phía Bắc vào. Theo số liệu thống kê, hiện ở xã Đồng Nai có các dân tộc Kinh, Tày, Thái, Hoa, Khmer, Mường, Nùng, Hmông, Dao, Sán Chay, Chăm, M'Nong, Xtieng và các dân tộc khác cùng sinh sống (Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2011). Như vậy, tri thức bản địa trong trường hợp này không chỉ là sự phân biệt với tri thức khoa học hay tính cụ thể của một vùng môi trường mà còn là sự giao lưu học hỏi kiến thức của các dân tộc khác ở các vùng môi trường khác.

Qua thực tế khảo sát ở tỉnh Bình Phước, chúng tôi còn nhận thấy trong bối cảnh các cư dân bản địa có sự hội nhập ngày càng mạnh mẽ vào sự phát triển chung, có một vấn đề nổi lên hiện nay trong mối quan hệ hay sự phân biệt giữa tri thức bản địa và khoa học là sự mai một của các tri thức bản địa có liên quan đến điều kiện tồn tại của chúng.

3. SỰ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN TỒN TẠI CỦA TRI THỨC BẢN ĐỊA HIỆN NAY: TÍNH

ĐỘNG CỦA TRI THỨC BẢN ĐỊA

Tuy tri thức bản địa được nhìn nhận là có vai trò quan trọng nhưng các công trình nghiên cứu về chủ đề này và qua thực tế khảo sát tại tỉnh Bình Phước chúng tôi thấy tri thức bản địa đang dần bị mai một trong nhiều lĩnh vực của đời sống cư dân. Do tri thức bản địa là kết quả của sự thích nghi với môi trường cụ thể cho nên khi môi trường sống vốn là điều kiện cho sự hình thành của tri thức bản địa thay đổi theo hướng mất đi tính địa phương thì điều tất yếu là tri thức bản địa sẽ bị mai một trong cuộc sống của người dân. Sự thay đổi điều kiện tồn tại của tri thức bản địa ở địa bàn khảo sát của chúng tôi thể hiện qua nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích sự thay đổi về môi trường sinh thái và đời sống tinh thần. Theo quan điểm của chúng tôi đây là hai điều kiện quan trọng ảnh hưởng đến sự tồn tại của tri thức bản địa.

Mốc thời gian đầu những năm 1980 đánh dấu sự thay đổi về môi trường sống với việc các cư dân địa phương bắt đầu cuộc sống định cư và phát rừng trồng điều. Người dân tại xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào giai đoạn này sinh sống bằng các hình thức trồng rẫy (phát trên rừng) với các loại cây như lúa, bắp, khoai mì, mía, bầu, bí, khoai; trồng lúa ở các vùng đất thấp (bưng, thung) ở gần sông Đồng Nai, và trồng điều theo hướng dẫn của Nhà nước. Các loại cây lương thực và hoa màu được trồng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của các hộ gia đình. Cây điều có vai trò quan trọng trong việc tạo thu nhập bằng tiền mặt để chi tiêu cho các nhu cầu tiêu dùng khác của người dân.

Bên cạnh mốc thời gian sống định cư theo chính sách của Nhà nước vào những năm đầu 1980 và sau đó người dân phát rừng làm rẫy trồng điều thì những năm đầu 2000 được cho là giai đoạn có sự tác động mạnh mẽ đến cuộc sống người dân: đó là sự thay đổi về khai thác cũng như sở hữu rừng. Theo người dân, trước đây họ được “tự do khai thác, trồng trọt” ở các khu rừng. Hiện nay theo chính sách thu hồi đất rừng để giao cho các lâm trường, các khu rừng tự nhiên hay một số rẫy điều nằm trong khu quy hoạch trên địa bàn xã Đồng Nai đã phần đã được chuyển đổi thành các khu rừng sản xuất. Các cánh rừng tự nhiên với nhiều loại cây và các rẫy trồng điều hiện nay đã bị thay thế bởi cây cao su và đa số do các lâm trường quản lý. Với sự thay đổi về hình thức quản lý rừng như hiện nay người dân địa phương không thể dựa vào rừng để mưu sinh và sinh sống.

Như vậy, chúng ta thấy là cùng với sự hòa nhập của các cộng đồng cư dân vào các chương trình phát triển của Nhà nước, môi trường sinh thái của họ đã có những thay đổi mạnh mẽ, tác động đến sự tồn tại của các tri thức bản địa. Chẳng hạn như trong mưu sinh, nếu như trước đây tri thức bản địa của các cư dân gắn liền với mùa vụ, thời tiết, kỹ thuật khai thác đất (luân khoảnh) để trồng các loại cây lương thực có tính tự cung tự cấp, thì hiện nay việc chuyển sang trồng các loại cây công nghiệp (điều, cà phê, cao su) đã khiến cho người dân chuyển sang phụ thuộc vào các kiến thức khoa học (cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu, trừ cỏ...). Hay nói cách khác, việc tham gia sản xuất thị trường đã khiến cho người dân phụ thuộc vào kiến thức

khoa học. Ngoài ra, tri thức bản địa về môi trường sinh sống trước đây rất đa dạng gắn với sự đa dạng về nguồn lương thực, thực phẩm do rừng cung cấp. Hiện nay, do chính sách quản lý rừng, chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng sản xuất đã làm mất đi sự đa dạng về nguồn tri thức này.

Bên cạnh sự thay đổi môi trường sinh thái thì việc thay đổi thế giới quan qua việc theo các tôn giáo cũng khiến cho các cư dân thay đổi tri thức ứng xử với thế giới tâm linh của họ và biểu hiện trong cuộc sống là sự thay đổi các sinh hoạt hay các nghi lễ.

Cộng đồng cư dân ở xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đa phần theo đạo Tin Lành (75% tổng số nhân khẩu) (Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2011). Theo người dân địa phương, họ theo đạo Tin Lành và Công giáo từ những năm cuối 1980. Khi theo đạo, với thế giới quan mới, người dân đã chuyển từ hệ thống tin vào đa thần với các nghi lễ tương ứng sang “thờ duy nhất chúa Jesu”. Với quan niệm như vậy, các nghi lễ liên quan đến tri thức ứng xử với thế giới tâm linh đã hoàn toàn bị thay thế, dẫn đến thực hành văn hóa trong cuộc sống của các cư dân cũng có sự thay đổi mạnh mẽ. Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, với sự tuyên truyền của chính quyền địa phương và sự hướng dẫn của các cha xứ và linh mục, người dân hiện nay dựa vào mạng lưới chăm sóc y tế hiện đại. Người dân chuyển đổi từ quan niệm nguyên nhân gây bệnh là do các loại “ma,” hay sự trừng phạt của các thần linh sang các nguyên nhân khoa học và niềm tin vào “chúa Trời”. Các thầy Hùm trước đây là “chuyên gia” giải quyết các vấn đề về sức khỏe thì hiện nay là nhân viên y tế,

các bác sĩ và các linh mục hay cha xứ. Ngoài ra, trước đây đối với các dân tộc tại chỗ ở xã Đồng Nai của tỉnh Bình Phước, lễ tiết quan trọng là dịp mừng lúa mới thường tổ chức vào khoảng từ tháng 12 âm lịch năm trước đến tháng 1 âm lịch năm sau, là khoảng thời gian kết thúc mùa thu hoạch. Trong dịp lễ này, các buôn luân phiên mời nhau hay giữa các gia đình trong một buôn mời nhau. Trong buổi lễ mừng lúa mới của buôn, người dân nấu cơm nếp, cơm lam và rượu cần, thường mổ trâu, tổ chức đánh cồng chiêng và đồng la. Trong dịp cúng lúa mới ở gia đình, người dân “tùy thuộc vào của cải của gia đình, nếu có con vật gì thì thịt con vật đó để cúng. Nếu nhà nghèo quá thì cúng rau cũng được... Cầu mong hồn lúa về ăn và phù hộ cho năm sau gia đình lại được nhiều lúa về nhà.... mời mọi người xung quanh”; “cúng để cảm tạ trời đất, ông bà vì mùa màng bội thu và cầu khẩn năm sau sẽ nhiều hơn. Đây là dịp để cho mọi người gặp gỡ và chung vui chia sẻ thành quả sau một năm làm việc vất vả” (nam, 42 tuổi, dân tộc Mạ, tỉnh Bình Phước). Hiện nay, với việc thay đổi cây trồng và đặc biệt là việc theo đạo Tin Lành, Lễ mừng lúa mới không còn là dịp quan trọng mà thay vào đó là các ngày lễ Noel hay Phục sinh. Nếu như trước đây, người dân thường mặc quần áo mới, trang phục truyền thống vào dịp mừng lúa mới thì hiện nay là vào ngày Lễ Noel.

Như vậy, từ sự thay đổi về vũ trụ luận cùng với sự thay đổi về niềm tin tôn giáo đã làm thay đổi mạnh mẽ tri thức bản địa trong lĩnh vực ứng xử với thế giới tâm linh của các cư dân địa phương. Nếu như trước đây, họ đáp ứng với thế giới thần linh bằng các nghi lễ thờ cúng một hệ

thống các thần linh và linh hồn thì hiện nay họ đã chuyển sang ứng xử bằng các thực hành bị chi phối bởi các tôn giáo Công giáo và Tin Lành. Như vậy, trong trường hợp này, tri thức bản địa bị mai một không phải do bị thất thế trước tri thức khoa học mà chính sự thay đổi trong đời sống tôn giáo đã khiến cho các tri thức bản địa này không còn chỗ đứng.

Tóm lại, tri thức bản địa là một chủ đề nghiên cứu có tính cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Nó không chỉ thể hiện được tính thích nghi đặc thù của các cư dân đối với môi trường tự nhiên cũng như xã hội mà trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ hiện nay, tính địa phương này đã phần nào được mở rộng với sự tiếp thu các yếu tố mới bao gồm cả tri thức bản địa của các dân tộc khác và tri thức khoa học hiện đại. Phát hiện của chúng tôi đó là sự mai một của các tri thức bản địa của các dân tộc hiện nay không phải do sự lên ngôi của tri thức khoa học hiện đại mà là do sự thay đổi của các điều kiện sống. Trong trường hợp khảo sát của chúng tôi chính là sự thay đổi môi trường sinh thái, đời sống xã hội và tinh thần. Điều này càng chứng minh cho tính động của tri thức bản địa. Tri thức bản địa không phải là một loại kiến thức tồn tại bất biến mà nó chịu sự chi phối mạnh mẽ của các điều kiện sống. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ của các dân tộc hiện nay, khi nghiên cứu về tri thức bản địa chúng ta không thể không chú ý đến sự thay đổi của môi trường sống vốn là điều kiện tồn tại quan trọng của loại tri thức này. Ngoài ra, tính địa phương hay tính bản địa thể hiện rất rõ tính tương đối khi mà quá trình giao lưu tộc người đang diễn ra mạnh mẽ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agrawal, Arun. 1995. *Dismantling the Divide Between Indigenous and Scientific Knowledge*. Development and Change. Vol 26(1995).
2. Bùi Hoài Sơn. 2010. *Đôi nét về khái niệm tri thức bản địa*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Số 308.
3. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước. 2011. *Kết quả điều tra tình hình cơ bản hộ gia đình dân tộc thiểu số và thực trạng cơ sở hạ tầng các xã có đồng bào dân tộc thiểu số có đến 1/1/2011, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: “Kết quả chủ yếu”*.
4. Ellen, Roy và Harris, Holly. 2010. *Giới thiệu trong: Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi: các quan điểm nhân học phê phán*. Roy Ellen, Peter Parkers, Alan Bicker (biên tập). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
5. Grenier, Louise. 1998. *Working with Indigenous Knowledge: A Guide for Researcher*. International Development Research Center.
6. Hoàng Xuân Tý & Lê Trọng Cúc. 1998. *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
7. Howes, M. and R. Chambers. 1980. *Indigenous Technical Knowledge: Analysis, Implications and Issues*, trong: *Indigenous Knowledge Systems and Development*. D. Brokensha, D. Warren and Werner (biên tập) Lanham, MD: University Press of America.
8. ISCU. 2002. *Science and Traditional Knowledge: Report from the ISCU Study Group on Science and Traditional Knowledge*. International Council for Science.
9. Phạm Quang Hoan. 2003. *Tri thức địa phương của các dân tộc thiểu số Việt Nam*, trong *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX những năm đầu thế kỷ XXI*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Phạm Quốc Hùng và Hoàng Ngọc Ý. 2009. *Nghiên cứu tri thức bản địa của người Mông tại khu Bảo tồn thiên nhiên Hang Kia-Pà Cò, tỉnh Hòa Bình trong bảo vệ rừng*. Dự án Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Hang Kia-Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam.
11. Trần Hồng Hạnh. 2005. *Tri thức địa phương: sự tiếp cận lý thuyết*. Tạp chí Dân tộc học, số 1-2005.
12. Viện Kinh tế Sinh thái. 2000. *Sổ tay lưu giữ và sử dụng kiến thức bản địa*. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
13. Vương Xuân Tình. 1998. *Tập quán bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên với việc xây dựng quy ước làng bản hiện nay của hai dân tộc Tày-Nùng*, trong: *Kiến thức bản địa của các dân tộc vùng cao*. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
14. Warren, D. M. 1991. *Using Indigenous Knowledge in Agricultural Development*, World Bank Discussion (Paper 127). Washington, DC World Bank.